

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**KỶ YẾU HỘI THẢO
LUẬN CÚ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
VÙNG TÂY NAM NGHỆ AN**

Nghệ An, tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

Bài viết - Tác giả	Trang
Phát triển kinh tế vùng động lực và gợi ý đối với vùng Tây Nam Nghệ An <i>TS. Lê Thị Thu Hiền</i> <i>ThS. Bùi Việt Cường</i> <i>Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng</i>	3
Tiềm năng và lợi thế phát triển vùng Tây Nam Nghệ An <i>TS. Nguyễn Thị Minh Tú</i> <i>Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An</i>	12
Phát triển Dược liệu ở vùng Tây Nam Nghệ An - Tiềm năng, lợi thế và giải pháp phát triển <i>ThS. Trần Quốc Thành</i> <i>Nguyên Giám đốc Sở KH&CN Nghệ An</i>	23
Thực trạng và đề xuất xây dựng chuỗi cung gỗ nguyên liệu rừng trồng đáp ứng yêu cầu tuân thủ gỗ hợp pháp vùng Tây Nghệ An <i>TS. Hoàng Liên Sơn</i> <i>Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế lâm nghiệp - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam</i>	31
Phát huy tài nguyên du lịch, thúc đẩy liên kết vùng hướng tới phát triển du lịch bền vững vùng Tây Nam Nghệ An <i>TS. Triệu Thanh Quang</i> <i>Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng</i>	42
Khai thác tài nguyên tự nhiên trong phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Khu Du lịch Vườn Quốc gia Pù mát (Nghệ An) <i>ThS. Đặng Đức Hạnh</i> <i>NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam</i>	52
Những vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp công nghệ vùng Tây Nam <i>TS. Phạm Văn Linh</i> <i>Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ</i>	61
Thực trạng phát triển kinh tế cửa khẩu ở vùng Tây Nam Nghệ An <i>Sở Công thương Nghệ An</i>	69
Khai thác giá trị tri thức bản địa vào phát triển sinh kế bền vững miền Tây Nghệ An <i>TS. Lê Thị Hiếu</i> <i>Trung tâm KHXH&NV Nghệ An</i>	73
Các chính sách mang tính động lực cho sự phát triển miền Tây Nghệ An <i>TS. Nguyễn Ngọc Chu</i> <i>Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trường Đại học Công nghệ Đông Á</i>	88

<p>Một số định hướng, giải pháp thu hút đầu tư vào khu vực vùng Tây Nam Nghệ An <i>TS. Lê Xuân Sang</i> <i>Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam</i></p>	101
<p>Đề xuất mô hình kết hợp toàn diện và hợp lý cho bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thực vật <i>PGS.TS Trần Thế Bách</i> <i>Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật</i></p>	131
<p>Về một số giải pháp liên kết phát triển kinh tế vùng biên với nước bạn (Lào) gắn an ninh, quốc phòng vùng biên giới <i>Bộ Đội biên phòng tỉnh Nghệ An</i></p>	138
<p>Vai trò của trường Đại học Vinh trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương vùng Tây Nam nói riêng, tỉnh Nghệ An nói chung <i>GS.TS. Nguyễn Huy Bằng</i> <i>Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh</i> <i>Và các cộng sự</i></p>	150
<p>Vấn đề phát triển và liên kết chuỗi kinh tế rừng vùng Tây Nam Nghệ An, các giải pháp thúc đẩy phát triển <i>Chi cục Kiểm lâm Nghệ An</i></p>	170
<p>Tiềm năng, lợi thế và một số giải pháp mang tính định hướng phát triển nông nghiệp bền vững Vùng Tây Nam Nghệ An <i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An</i></p>	181
<p>Những vấn đề đặt ra trong quá trình liên kết phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch canh nông giữa các địa phương vùng Tây Nam Nghệ An <i>ThS. Vi Thị Thắm</i> <i>Giám đốc Trung tâm Điều phối du lịch miền Tây Nghệ An - Tây Nghệ Tourist</i></p>	198
<p>Liên kết phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá vùng Tây Nam Nghệ An <i>ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung</i> <i>Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An</i> <i>TS. Trần Thị Thủy</i> <i>Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường KHXH&NV, Đại học Vinh</i></p>	204
<p>Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy nguồn lực văn hóa của các dân tộc thiểu số ở huyện Kỳ Sơn trong phát triển bền vững <i>TS. Nguyễn Hồng Vinh</i> <i>Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh</i> <i>TS. Đặng Như Thương</i> <i>Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh</i></p>	213

Thực trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Chương gắn với liên kết các địa phương trong vùng <i>Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương</i>	225
Phát triển du lịch ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An <i>TS. Nguyễn Thị Duyên</i> <i>Khoa Lịch sử, trường Đại học Vinh</i> <i>Và các cộng sự</i>	231

**VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH TRONG ĐÀO TẠO
VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
VÙNG TÂY NAM NÓI RIÊNG, TỈNH NGHỆ AN NÓI CHUNG**

***GS. TS. Nguyễn Huy Bằng¹;
PGS.TS Thái Thị Kim Oanh, TS. Hồ Thị Diệu Ánh,
TS. Trần Quang Bách, TS Nguyễn Đăng Đức
và ThS Hoàng Thị Thuý Vân²***

Đặt vấn đề

Vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An gồm 5 huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Thanh Chương và Anh Sơn, có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, văn hóa và an ninh quốc phòng không chỉ đối với tỉnh Nghệ An mà còn cả của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước. Với lợi thế và tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, sự đa dạng văn hóa và nguồn lợi về du lịch, vùng Tây Nam Nghệ An sở hữu vị trí địa lý thuận lợi để liên kết các không gian phát triển, nhất là giữa Nghệ An với nước bạn Lào qua cửa khẩu Thanh Thủy và cửa khẩu Nậm Cắn, phát triển khu vực kinh tế trọng điểm miền tây của tỉnh gắn với khai thác, chế biến vùng nguyên liệu dược liệu, khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp... theo hướng bền vững. Tuy nhiên, vùng Tây Nam hiện chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và thế mạnh vốn có, xuất phát từ sự kém phát triển của nền kinh tế - xã hội, trình độ tổ chức sản xuất chưa theo hướng sản xuất hàng hóa, hạn chế trong thu hút đầu tư, nhất là các dự án FDI... Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới điều này chính là sự đóng góp của nguồn nhân lực chất lượng cao vào chất lượng tăng trưởng của vùng chưa cao, chưa tạo được những đột phá chiến lược, giúp các địa phương trong vùng thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình thấp, vươn lên trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trường Đại học Vinh là một trong 16 trường trọng điểm quốc gia, đang trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu và điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, hướng tới

¹ Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

² Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

trở thành đại học thông minh, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo trong khu vực Bắc Trung Bộ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích thực trạng kinh tế và chất lượng nguồn nhân lực của các huyện vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính đột phá gắn với hoạt động giáo dục của nhà trường nhằm giải quyết bài toán nhân lực, tạo ra bước đột phá phát triển KT-XH của các địa phương vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An trong giai đoạn tiếp theo.

1. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với phát triển kinh tế - xã hội

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển KT-XH của mỗi địa phương, quốc gia. Trong lịch sử, nghiên cứu của nhiều nhà kinh tế học đã chỉ ra rằng, nguồn nhân lực, nhất là NLCLC là nhân tố đầu vào quan trọng, quyết định tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).

Theo nghĩa rộng NLCLC được hiểu là phạm trù khái niệm chỉ người lao động có sức khỏe thể chất, tinh thần tốt; có trình độ tay nghề cao, khả năng lao động giỏi và kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề; có những phẩm chất xã hội tốt đẹp, như tinh thần nhân văn, tập thể, hòa nhập, thích nghi làm việc trong môi trường đa văn hóa... Trong bối cảnh nền kinh tế của các địa phương và quốc gia ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao càng trở nên quan trọng, trở thành nhân tố tiên quyết giúp các địa phương nhanh chóng nâng cao năng lực ứng dụng, triển khai KHCN, tiếp cận với nền kinh tế tri thức, nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế, nhanh chóng hội nhập nền kinh tế quốc gia và quốc tế.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”. Quan điểm này đã giúp nhiều địa phương thống nhất định hướng nhận thức về vai trò của nhân tố con người trong chiến lược phát triển KT-XH của địa phương, coi phát triển

nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba khâu đột phá chiến lược về kinh tế trong thời kì mới.

Đối với các huyện miền núi, vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao vừa là điều kiện, vừa là yếu tố có tính quyết định đến quá trình phát triển kinh tế. Đối với bất kì địa phương nào, nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố đầu vào quan trọng của quá trình sản xuất và đời sống xã hội.

Trong bộ máy QLNN, nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng tham mưu các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và giải pháp xây dựng, phát triển kinh tế đất nước, là lực lượng lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách đó. Ở mỗi giai đoạn phát triển, mỗi địa phương đều cần có nguồn nhân lực chất lượng cao tương ứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển KT-XH cụ thể. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nguồn nhân lực chất lượng cao tại các vùng miền núi có khả năng dẫn dắt, tập hợp lực lượng lao động, thực hiện tổ chức sản xuất, quản lý xã hội, tăng cường năng lực ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới song song với phát huy tri thức bản địa và kinh nghiệm của người dân trong phát triển KT-XH. Nguồn nhân lực chất lượng cao giúp các địa phương nhanh chóng giải quyết những vấn đề mới, vấn đề phát sinh trong thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

Như vậy, nguồn nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ với trình độ sản xuất, khả năng ứng dụng KH-CN, tạo nên bước đột phá chiến lược, tiền đề quan trọng giúp các địa phương cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao lợi thế cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển nhanh, bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An và các địa phương vùng Tây Nam

2.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An

2.1.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GRDP qua các năm của tỉnh Nghệ An không ngừng tăng. Năm 2016 tốc độ tăng trưởng GRDP đạt hơn 6%, năm 2018 là 8,73%, các con số này tăng dần qua từng năm và năm 2022 tốc độ tăng trưởng GRDP Nghệ An đạt 9,08%. Quy mô GRDP lớn nhưng do quy mô dân số lớn nên GRDP bình quân đầu

người của tỉnh Nghệ An mặc dù tăng liên tục và đạt 44,01 triệu đồng vào năm 2020, đạt 51,4 triệu đồng vào năm 2022, nhưng chỉ bằng 53% mức trung bình cả nước (95,6 triệu đồng) năm 2022.

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Nghệ An

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Năm						
		2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
I	Tốc độ tăng trưởng GRDP	6,95	7,88	8,73	8,2	7,45	6,20	9,08
II	Tốc độ tăng trưởng GRDP theo ngành							
1	Nông, lâm, thủy sản	4,09	4,14	4,78	5,07	5,06	5,59	4,78
2	Công nghiệp- xây dựng	11,18	12,86	16,15	12,19	10,74	13,59	10,96
3	Dịch vụ- du lịch	5,63	7,1	6,29	6,9	6,46	1,26	10,77

*(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2016,2018;
Báo cáo kinh tế - xã hội 2020, 2021,2022)*

Mô hình tăng trưởng của tỉnh Nghệ An từng bước chuyển đổi từ chiều rộng sang chiều sâu. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 48,59%. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An chủ yếu dựa vào các nhân tố tăng trưởng về mặt lượng, việc ứng dụng khoa học công nghệ, trình độ quản lý, nâng cao năng suất lao động tại tỉnh Nghệ An cần được tiếp tục cải thiện trong thời gian tới. Qua đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Nghệ An có 3 chỉ tiêu về kinh tế lớn không đạt được là GRDP từ 9-10%/năm, thu ngân sách đến năm 2020 đạt từ 25-30 nghìn tỷ, GDP bình quân đầu người phân đầu 70 triệu/năm.

Bảng 2. Cơ cấu GRDP chia theo ngành

ĐVT: %

Ngành	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
-------	------	------	------	------	------	------	------

Nông, lâm nghiệp và thủy sản	23,03	23,4	22,76	22,41	24,62	24,38	23,01
Công nghiệp, xây dựng	30,23	25,98	27,35	28,35	27,35	28,94	30,35
Dịch vụ, du lịch	46,74	45,61	44,91	44,16	42,99	41,59	41,86
Khác	-	5,01	4,98	5,08	5,04	5,09	4,78

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2016,2018;
Báo cáo kinh tế - xã hội 2020, 2021,2022)

Qua bảng 2, cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2022 có sự chuyển dịch chậm. Công nghiệp và dịch vụ phát triển chưa bền vững và đột phá vào các ngành có giá trị gia tăng cao. Việc thu hút đầu tư phát triển các dự án có tính động lực, tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu ngân sách còn khó khăn.

Khu vực dịch vụ - du lịch tiếp tục phát triển sau dịch Covid19, tổng số lượt du khách đến Nghệ An năm 2022 hơn 6,7 triệu lượt khách du lịch (tăng 356% so với năm 2021). Tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 12.343 tỷ đồng. Mặc dù vậy, du lịch Nghệ An còn mang nặng tính thời vụ, là nguyên nhân chính dẫn tới khó khăn trong thu hút đầu tư dự án lớn về du lịch.

Hoạt động thương mại tiếp tục phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 81.206 tỷ đồng, tăng 34,33% so với năm 2021. Nhiều trung tâm thương mại của các nhà bán lẻ hàng đầu trong và ngoài nước như Big C, Lotte Mart, Win Mart đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu mua sắm của nhân dân và du khách.

Nhìn chung tốc độ tăng trưởng bình quân của tỉnh Nghệ An đạt khá nhưng bước đột phá thì chưa có, Nghệ An đang thiếu động lực về công nghiệp. Là một tỉnh có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có cảng biển, có cảng hàng không quốc tế, có quốc lộ 1A đi qua, tuy nhiên Nghệ An chưa tận dụng hết lợi thế. Nguyên nhân, một phần hạn chế do Nghệ An nằm trong vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt, mưa lũ thường xuyên dẫn tới hạ tầng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt các huyện miền Tây nói chung, Tây Nam nói riêng của tỉnh Nghệ An. Nghệ An là tỉnh nghèo nên việc thu ngân sách đạt thấp, tình hình thu ngân sách Nghệ An 6 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 8.490,0 tỷ đồng, là con số nhỏ bé so với 20.577,5 tỷ đồng mà tỉnh Thanh Hóa thu được cùng kỳ (Xem bảng 3).

Bảng 3. Tình hình thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2023,

so sánh 3 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thu ngân sách	Thu xuất- nhập khẩu
Thanh Hóa	20.577,5	8.777,8
Nghệ An	8.490,0	630,7
Hà Tĩnh	8.760,0	4.287,0

*(Báo cáo kinh tế xã hội Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh
6 tháng đầu năm 2023)*

2.1.2. Về xã hội

Văn hóa, xã hội tỉnh Nghệ ngày càng được chú trọng; các vấn đề an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện. Hiện nay hệ thống trường, lớp phát triển đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi để toàn người dân tham gia phát triển giáo dục. Đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học được đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Năm 2022, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 6 trường Đại học, 10 trường cao đẳng và 10 trường trung cấp. Nghệ An là tỉnh thứ 25 được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3. Chất lượng giáo dục toàn diện được khẳng định thuộc top 5 địa phương dẫn đầu về học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, gia đình và trẻ em có nhiều vượt bậc. Các cơ sở khám chữa bệnh có nhiều hoạt động cải tiến, đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, trang- thiết bị, từng bước hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 36 bệnh viện, 31 phòng khám đa khoa và 460 trạm y tế xã với tổng số 16.541 giường bệnh. Hiện nay số Bác sĩ liên tục tăng, trình độ chuyên môn cũng được tăng cường để đáp ứng nhu cầu của người dân. Đội ngũ cán bộ y tế được nâng cao về chất lượng và số lượng, đến nay có 15.565 người trong đó bác sĩ chiếm 26,73% (12,2 bác sĩ trên một vạn dân). Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 91,09%. Có 95,63% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và các vấn đề an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo. Năm 2022 giải quyết việc làm mới cho trên 45 nghìn lao

động. Nghệ An là một trong những tỉnh đứng đầu cả nước về số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến cuối năm 2022 có 75,18% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 10 huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng Tây Nam Nghệ An

2.2.1. Về kinh tế

Vùng Tây Nam Nghệ An (Thanh Chương - Anh Sơn - Con Cuông - Tương Dương - Kỳ Sơn) là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng - an ninh của tỉnh, có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế vùng, liên kết vùng. Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2016 - 2020 huyện Tương Dương có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong vùng với 9,4%, trong giai đoạn này trên địa bàn huyện Tương Dương đã đưa vào vận hành 02 nhà máy thủy điện Thủy điện đó là bản Ang công suất 17MW, Xoóng Con 15MW. Tiếp đến Thanh Chương, Con Cuông với tốc độ tăng trưởng (7,57%). Tại Thanh Chương trong giai đoạn 2016 - 2020 đã thu hút được 5 dự án có quy mô lớn, là động lực cho tăng trưởng của huyện như: Nhà máy may ở xã Thanh Khê, Nhà máy chè ở xã Thanh Tùng và xã Thanh Đức, Nhà máy gỗ nhiên liệu sinh khối tại xã Thanh Hương, Dự án nhà máy sản xuất tinh dầu dược liệu công nghệ cao tại xã Thanh Thủy. Trong vùng, huyện Kỳ Sơn có tốc độ tăng trưởng GRDP thấp nhất đạt 5,55%, đây là huyện vùng cao, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn, trong khi phải gánh chịu nhiều hậu quả của thiên tai bão lũ. Đánh giá chung vùng Tây Nam thì tốc độ tăng trưởng của vùng trung bình đạt 7,33%, so sánh với tốc độ tăng trưởng toàn tỉnh giai đoạn này thì có chênh lệch nhỏ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của các huyện trong vùng Tây Nam chưa đồng đều giao động từ 5,55% đến 9,40%.

Bảng 4. Tình hình kinh tế các huyện Tây Nam- Nghệ An

TT	Chỉ tiêu	Thanh Chương	Anh Sơn	Con Cuông	Tương Dương	Kỳ Sơn	TB vùng	Toàn tỉnh
I	Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn	7,57	6,54	7,57	9,40	5,55	7,33	7,84

	2016- 2020 (%)							
II	Cơ cấu GRDP theo ngành năm 2020 (%)							
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	37,95	30,38	43,46	35,80	27,65	35,05	24,62
2	Công nghiệp, xây dựng	27,52	31,50	14,86	23,70	21,92	23,90	27,35
3	Dịch vụ, du lịch	34,53	38,12	41,68	40,60	50,42	41,05	42,99
III	Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 (triệu đồng)	41,1	36,1	30,8	30,5	23	32,3	44,34

(Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội của các huyện Tây Nam Nghệ An)

Bảng 4 cho thấy, cơ cấu GRDP theo ngành năm 2020 của các huyện vùng Tây Nam chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, so với toàn tỉnh thì vùng Tây Nam cần có giải pháp tiếp tục giảm tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản xuống trong thời gian tới (hiện nay vùng Tây Nam là 35,05%; toàn tỉnh là 24,62%). Về thu nhập bình quân đầu người, hiện nay trong vùng Tây Nam, huyện Kỳ Sơn đang có thu nhập bình quân thấp nhất với 23 triệu đồng, cao nhất là 41,1 triệu đồng tại huyện Thanh Chương. So sánh với thu nhập bình quân đầu người tỉnh Nghệ An thì vùng Tây Nam còn thấp hơn 12 triệu đồng. Qua số liệu bảng 5 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp vùng Tây Nam chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với toàn tỉnh Nghệ An. Mặc dù, vùng Tây Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp về vật liệu xây dựng, dược liệu, lâm nghiệp, khai khoáng.

Bảng 5. Số doanh nghiệp hoạt động

DVT: Số doanh nghiệp

TT	Huyện	Năm
-----------	--------------	------------

		2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Thanh Chương	143	164	189	185	235	249
2	Anh Sơn	115	138	147	136	143	155
3	Con Cuông	62	68	71	61	62	63
4	Tương Dương	40	48	49	50	57	62
5	Kỳ Sơn	33	39	46	45	52	55
I	Vùng Tây Nam	393	457	502	477	549	584
II	Toàn tỉnh	8.341	9.431	10.653	10.683	10.828	11.225
III	Tỷ lệ doanh nghiệp vùng Tây Nam so với toàn tỉnh (%)	4,71	4,85	4,71	4,47	5,07	5,20

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2021)

Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế của các huyện vùng Tây Nam chưa bền vững, nhiều huyện có tốc độ tăng trưởng còn thấp, kết quả một số chỉ tiêu phát triển kinh tế quan trọng đạt còn thấp, ví dụ thu nhập bình quân đầu người. Vùng Tây Nam vẫn chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản. Một số sản phẩm công nghiệp trọng điểm còn thiếu sự tập trung đầu tư; du lịch, đặc biệt du lịch cộng đồng phát triển chậm. Thu hút đầu tư, nhất là các dự án FDI còn hạn chế.

2.2.2. Về xã hội

Dân số vùng Tây Nam chiếm tỷ trọng sấp xỉ 18% so với dân số toàn tỉnh Nghệ An (bảng 6), trong đó huyện Thanh Chương có dân số đông nhất, tiếp đến là huyện Anh Sơn và thấp nhất là huyện Con Cuông. Vùng Tây Nam - Nghệ An là nơi tập trung rất đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Như huyện Kỳ Sơn với sự tập trung sinh sống của các bộ tộc Lào, Thái, Người Khơ Mú và người Mông, huyện Con Cuông là nơi tập trung sinh sống người Thái, Đan Lai (Thổ), Hoa. Đây cũng là

một thách thức đối với công tác quản lý của chính quyền địa phương các huyện vùng Tây Nam, khi một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước, chưa chịu khó vươn đầu tư sản xuất để thoát nghèo.

Bảng 6. Dân số vùng Tây Nam Nghệ An

DVT: Số người

TT	Huyện	Năm					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Thanh Chương	233.017	235.682	238.580	241.296	242.415	244.228
2	Anh Sơn	112.346	114.085	115.825	117.507	118.106	119.069
3	Con Cuông	72.666	73.856	74.822	75.681	76.234	77.131
4	Tương Dương	74.248	75.673	76.813	77.940	78.272	78.717
5	Kỳ Sơn	76.127	77.472	78.934	80.452	80.898	81.519
I	Vùng Tây Nam	568.404	576.768	584.974	592.876	595.925	600.664
II	Toàn tỉnh	3.203.112	3.246.691	3.291.369	3.337.207	3.365.198	3.409.812
III	Tỷ lệ dân số vùng Tây Nam so với toàn tỉnh (%)	17,75	17,76	17,77	17,77	17,71	17,62

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2021)

Mạng lưới trường lớp của vùng Tây Nam được đầu tư xây dựng và sắp xếp

ngày càng hợp lý. Hiện nay toàn vùng Tây Nam - Nghệ An có 238 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông (chiếm 24,14%) so với toàn tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được chú trọng. Vì vậy chất lượng đào tạo được cải thiện, các huyện đã triển khai tốt chương trình giáo dục phổ thông mới, nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ và tin học. Tỷ lệ lao động qua đào tạo huyện Tương Dương đạt 55,3%, huyện Kỳ Sơn là 33,45%, huyện Thanh Chương là 61,1%, huyện Anh Sơn là 50,1%, so với toàn tỉnh thì tỷ lệ lao động qua đào tạo tại vùng Tây Nam đang còn thấp (toàn tỉnh là 65%).

**Bảng 7. Số trường phổ thông vùng Tây Nam Nghệ An
năm học 2021-2022**

DVT: Số trường phổ thông

TT	Huyện	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng số
1	Thanh Chương	36	38	7	81
2	Anh Sơn	18	19	3	40
3	Con Cuông	17	12	2	31
4	Tương Dương	19	17	2	38
5	Kỳ Sơn	28	19	1	48
I	Vùng Tây Nam	118	105	15	238
II	Toàn tỉnh	496	400	90	986
III	Tỷ lệ trường phổ thông vùng Tây Nam so với toàn tỉnh (%)	23,79	26,25	16,67	24,14

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2021)

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân từng bước được đảm bảo, chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư. Số cơ sở y tế, bao gồm bệnh viện, phòng khám đa khoa, trạm y tế vùng Tây Nam chiếm tỷ trọng 15,92% số cơ sở y tế toàn tỉnh (Xem bảng 8). Quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường. Công tác y tế dự phòng được chăm lo, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai thực hiện tốt.

Bảng 8. Số cơ sở y tế vùng Tây Nam Nghệ An năm 2021

ĐVT: Số cơ sở y tế

TT	Huyện	Tổng số
1	Thanh Chương	66
2	Anh Sơn	39
3	Con Cuông	21
4	Tương Dương	25
5	Kỳ Sơn	30
I	Vùng Tây Nam	181
II	Toàn tỉnh	1.137
III	Tỷ lệ số cơ sở y tế vùng Tây Nam so với toàn tỉnh (%)	15,92

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2021)

Các huyện vùng Tây Nam đã thực hiện tốt chế độ, chính sách xã hội, an sinh xã hội. Đảm bảo người nghèo khu vực nông thôn có việc làm ổn định, chăm lo gia đình chính sách và bảo vệ trẻ em, phụ nữ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng Tây Nam năm 2020 giảm còn 16,89 %, so với tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh thì vùng Tây Nam đang có tỷ lệ hộ nghèo rất cao. Trong đó huyện Kỳ Sơn có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất (41,11%). Mặc dù vậy với đặc thù về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng hiện nay của vùng Tây Nam thì đây cũng là sự cố gắng không nhỏ của các huyện vùng Tây Nam trong xóa đói giảm nghèo,

Bảng 9. Tỷ lệ hộ nghèo các huyện vùng Tây Nam- Nghệ An*ĐVT: %*

Năm	Thanh Chương	Anh Sơn	Con Cuông	Tương Dương	Kỳ Sơn	TB vùng	Toàn tỉnh
2016	-	15,32	32,01	49,84	60,24	-	-
2020	3,90	2,47	17,20	19,78	41,11	16,89	3

(Tổng hợp từ Báo cáo kinh tế xã hội của các huyện Vùng Tây Nam)

Đánh giá chung thì, tỷ lệ hộ nghèo vùng Tây Nam còn tương đối cao. Tình trạng khai thác trái phép lâm sản, khoáng sản còn xảy ra; một số hủ tục, tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ... Chất lượng giáo dục so với miền xuôi còn chênh lệch. Mức sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa của vùng Tây Nam còn thấp.

3. Vai trò của trường Đại học Vinh trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An, các địa phương vùng Tây Nam và cả nước

Trường Đại học Vinh, tiền thân là trường Đại học sư phạm Vinh, là đơn vị dẫn đầu của khu vực trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, vùng Bắc Trung Bộ và cả nước. Đến nay, Nhà trường đã phát triển với 57 ngành đào tạo trình độ Đại học, 38 ngành trình độ Thạc sỹ, 17 ngành trình độ Tiến sỹ. Bên cạnh đó, Nhà trường có Trường THPT Chuyên, Trường phổ thông thực hành và Trường Mầm non thực hành được hoạt động theo mô hình tiên tiến. Sau 63 năm phát triển, Nhà trường đã đào tạo trên 120.000 cử nhân, kỹ sư; hơn 10.000 thạc sỹ và tiến sỹ. Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Nhà trường hiện là trường đại học duy nhất cả nước có Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, đã thực hiện đánh giá ngoài hàng chục trường đại học và đánh giá ngoài hàng trăm chương trình đào tạo cho các trường đại học và cao đẳng trên cả nước.

Trong giai đoạn 2018 - 2022, mỗi năm trường Đại học Vinh đào tạo trên 8.000 sinh viên, học viên ở các bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, trong đó có hơn 20% làm việc trong tỉnh (Bảng 10).

Bảng 10. Số lượng sinh viên Trường Đại học Vinh tốt nghiệp và làm việc tại tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2022

Trình độ đào tạo	2018	2019	2020	2021	2022
Đại học	8055	8747	8074	7662	7035
Sau đại học (ThS, TS)	1115	1109	1106	1086	1118
Số lượng sinh viên làm việc tại Nghệ An	1195	2023	1746	N/A	N/A

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" (Gọi tắt là Nghị quyết 29), trong những năm qua, trường Đại học Vinh đã có những bước chuyển căn bản, nổi bật trong việc đào tạo nhân lực chất lượng cao, phục vụ hoạt động phát triển KT-XH của địa phương. Cụ thể:

Thứ nhất, theo chu kỳ mỗi 2 năm, nhà trường thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo của tất cả các ngành dựa trên yêu cầu của bối cảnh nghề nghiệp, khảo sát ý kiến của các bên liên quan, góp phần giúp sinh viên khi ra trường bên cạnh việc nắm bắt kiến thức lý thuyết, còn được cập nhật các kỹ năng phù hợp với thực tiễn công việc.

Thứ hai, trước thách thức về Hội nhập quốc tế và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường đã xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy theo tiếp cận CDIO. Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO được triển khai đào tạo khóa đầu tiên bắt đầu từ 2017. Trong các năm tiếp theo, Nhà trường đã tiếp tục cho triển khai rà soát, cập nhật chương trình dạy học, đề cương chi tiết, phương thức kiểm tra đánh giá...

Tính đến thời điểm hiện tại, Trường đào tạo 57 ngành đại học (trong đó có 3

ngành đại học chất lượng cao), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ (2). Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 3 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hành). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó sinh viên, học viên chính quy là 22.000 người. Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường Đại học Vinh có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Có thể thấy rằng, nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố được Nhà trường ưu tiên hàng đầu. Đã có 18 chương trình đào tạo đã được kiểm định đạt chuẩn quốc gia, 2 chương trình được kiểm định theo chuẩn quốc tế của khu vực ASEAN (AUN-QA); có 1 chương trình đào tạo được xếp hạng 5 sao định hướng nghiên cứu theo Bộ chuẩn đối sánh chất lượng với 100 đại học hàng đầu Châu Á (UPM). Mặc dù mới được thành lập vào 9/2021, sau 1 năm Trường Sư phạm đã được xếp hạng 5 sao, Trường Kinh tế được xếp hạng 4 sao Plus theo Bộ chuẩn UPM.

Đứng trước cơ hội và thách thức của kỷ nguyên mới, năm 2021, Trường Đại học Vinh đã tái cơ cấu để thành lập 3 trường (Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học xã hội & Nhân văn) và Viện Nghiên cứu & Đào tạo trực tuyến. Từ đó, triển khai xây dựng Đề án chuyển Trường thành Đại học với tầm nhìn mới “Trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Nhà trường đã xây dựng sứ mạng mới “là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ, là trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy

sự phát triển của quốc gia và quốc tế”.

4. Một số giải pháp của Trường Đại học Vinh về và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương vùng Tây Nam nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung trong thời gian tới

Sứ mạng đã được Nhà trường tuyên bố: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở GDDH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, ĐMST, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”* cùng với Tầm nhìn: *“Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”*.

Là cơ sở đào tạo đầu tàu ở tỉnh Nghệ An và trong Vùng, Trường Đại học Vinh đã từng bước chuyển đổi từ *mô hình truyền thống* sang *mô hình đại học đổi mới sáng tạo*. Từ đó, *chuyển giao mô hình và chia sẻ nguồn lực* với các đơn vị đào tạo trong Vùng nhằm đáp ứng các *phân khúc lao động trên địa bàn*, góp phần tăng tỷ lệ *xuất khẩu lao động có tay nghề và lao động chất lượng cao*, đóng vai trò là một trong 3 nhân tố cốt lõi (cùng với doanh nghiệp và chính quyền địa phương) vào hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ quan, doanh nghiệp. Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương vùng Tây Nam nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung trong thời gian tới, Trường Đại học Vinh sẽ cụ thể hóa 3 nhóm giải pháp đột phá về giáo dục mà Đại hội đảng lần thứ XIII đã xác định (về *thể chế, nhân lực, hạ tầng*) như sau:

Nhóm giải pháp thứ nhất, xây dựng *thể chế cho mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, hình thành tổ hợp đại học*. Cụ thể:

- **Thứ nhất**, tiếp tục tái cơ cấu và hoàn thành chuyển đổi Trường Đại học Vinh từ mô hình *trường đại học đa ngành* như hiện nay thành *đại học đa lĩnh vực theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo* để có đủ tiềm lực triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với xu thế của bối cảnh mới. Tiến tới *phối hợp với cơ sở đào tạo trong Vùng hình thành tổ hợp đại học (University System)* để phân nhiệm hợp lý các phân khúc trong đào tạo nguồn nhân lực, công nhận tín chỉ đào tạo giữa các trường, tập trung nguồn lực toàn tổ hợp đại học để giải quyết những vấn đề thực tiễn về giáo dục và đào tạo đối với từng lĩnh vực.

- **Thứ hai**, tham mưu Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng ban hành các cơ chế chính sách về phối kết hợp giữa các trường, Chính phủ/chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong sử dụng và phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chính sách về *hợp tác công - tư* trong giáo dục và đào tạo trong tổ hợp đại học.

- **Thứ ba**, xây dựng mô hình quản trị chất lượng theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo. Trong đó, tập trung cho hệ thống quản trị chất lượng; xây dựng các *chính sách và quy định nội bộ* để cụ thể hóa sự *phối kết hợp* giữa *nhà giáo, người học và nhà tuyển dụng* trong đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp ở cấp độ chương trình đào tạo và môn học.

- **Thứ tư**, *phát triển một số lĩnh vực đào tạo chất lượng cao gắn yêu cầu phát triển trọng điểm của địa phương và vùng*. Xây dựng mới và hoàn thiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo mô hình quốc tế CDIO (được khởi xướng bởi học viện MIT của Hoa Kỳ), ưu tiên *một số ngành trọng điểm* cho phát triển kinh tế của địa phương và vùng. Xây dựng *mô hình tổ chức hoạt động dạy học mới* dựa trên ứng dụng thành quả công nghệ 4.0 và phù hợp với học tập cá thể hóa của thế hệ công dân mới (thế hệ Z, thế hệ alpha). Đẩy mạnh *kiểm tra đánh giá* theo định hướng chuẩn quốc tế về chuẩn đầu ra để cung cấp *hồ sơ năng lực* sinh viên tốt nghiệp cho nhà tuyển dụng.

Thứ năm, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến, đáp ứng chuẩn đầu ra, nâng cao kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ, chịu trách nhiệm của người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO hiệu quả ở các bậc đào tạo đại học và sau đại học nhằm phát triển năng lực người học. Cải tiến quy trình thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo và chương trình môn học có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật, đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của xã hội. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan; tăng cường các môn học/hình thức dạy học dự án, dạy học bằng tiếng Anh.

Phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; xây dựng chương trình đào tạo đạt

tiêu chuẩn và đủ điều kiện để đăng ký KĐCL chương trình đào tạo theo các chuẩn quốc tế (AUN-QA, ABET, FIBAA, ASIIN...).

Thứ sáu, đẩy mạnh hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đạt hiệu quả đồng bộ với mục tiêu đào tạo.

Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn triển khai hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học hiệu quả, khả thi. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá. Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống quản trị nhà trường LMS, tăng cường nguồn học liệu có chất lượng, biên soạn, biên dịch, xuất bản giáo trình; lựa chọn sử dụng các giáo trình tiên tiến trên thế giới; phát triển nguồn học liệu mở; đầu tư và bổ sung trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ dạy học; xây dựng không gian học tập linh hoạt phục vụ nhu cầu của người học. Tăng cường sự tham gia của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức xã hội vào hoạt động đào tạo của Trường.

Thứ bảy, đẩy mạnh ĐMST, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn

Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và điều hành các hoạt động khoa học và công nghệ. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường theo định hướng phù hợp với tình hình thực tế mới, phù hợp cơ chế tự chủ đại học. Tăng cường tính chủ động của cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học trong việc tìm kiếm các nguồn kinh phí khác nhau phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Nghiên cứu tích hợp hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo ở bậc đại học và sau đại học. Đa dạng hóa loại hình HTQT trong khoa học và công nghệ và thực hiện chuyển đổi số, thống nhất và đồng bộ hệ thống dữ liệu số. Xây dựng cổng thông tin kết nối với các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ trở thành mũi nhọn đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, gia tăng số lượng và chất lượng công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus/ISI. Tăng cường hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm của Nhà trường, xây dựng mạng lưới liên kết với các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh HTQT trong hoạt động khoa học và công nghệ như xây dựng chính

sách thu hút nguồn kinh phí từ nước ngoài thông qua các dự án, chương trình nghiên cứu; Đa dạng hóa loại hình hợp tác; xây dựng mạng lưới HTQT trong hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường; Xây dựng các chương trình, dự án nghiên cứu thu hút sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài; Chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả HTQT, hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp nhằm tăng cường nguồn lực cho đào tạo, NCKH, kết nối và phục vụ cộng đồng.

- **Thứ tám**, tham mưu với các địa phương trong Vùng xây dựng mạng lưới các trường phổ thông trở thành các *vệ tinh* của *Tổ hợp đại học* để hỗ trợ hoạt động định hướng nghề nghiệp và có thể triển khai đào tạo một số kỹ năng cơ bản đối với lao động phổ thông trong khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, hướng tới đào tạo gắn với sử dụng lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động chất lượng cao ra các thị trường trong bối cảnh chưa sử hết nhân lực qua đào tạo tại địa phương.

Nhóm giải pháp thứ hai, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên đáp ứng yêu cầu mới về hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, tiến tới tổ hợp đại học.

- **Thứ nhất**, quy hoạch đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học, nghiên cứu viên đáp ứng cả về số lượng và chất lượng cho mô hình đại học đổi mới sáng tạo.

- **Thứ hai**, tập trung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, chú trọng các kỹ năng dạy học mới (dạy học dự án, đánh giá theo chuẩn đầu ra, kỹ năng chuyển đổi số trong dạy học, kỹ năng dạy học đảo ngược), kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ...

- **Thứ ba**, phát triển mô hình, phương thức đào tạo giảng viên theo các mô hình đào tạo tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là mô hình đào tạo giảng viên trong các trường đại học đa ngành.

- **Thứ tư**, xây dựng mạng lưới các doanh nhân, chuyên gia và nhà khoa học có uy tín ở trong và ngoài nước tham để người học có cơ hội được học tập, trải nghiệm thực tế, tuyển dụng theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo.

Nhóm giải pháp thứ ba, đầu tư cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ cho sự phát triển của hệ sinh thái và đại học thông minh.

-**Thứ nhất**, đầu tư xây dựng và sắp xếp hệ thống phòng học, nhà xưởng, phòng thực hành, thư viện số, các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) theo các lĩnh

vực và theo mô hình *đại học số*, hướng tới *đại học thông minh*.

- **Thứ hai**, đầu tư, hoàn thiện đại học số (trước năm 2025) và tiến tới đại học thông minh (năm 2030): hệ thống thông tin tổng thể, hệ quản lý học tập LMS, trung tâm sản xuất học liệu số, trung tâm dữ liệu lớn.

- **Thứ ba**, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu của các lĩnh vực áp dụng các công nghệ mới: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, block chain, vật liệu mới, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế số.

- **Thứ tư**, tăng cường huy động các nguồn lực tài chính và đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với dạy học trong các chương trình đào tạo thông qua các quỹ đầu tư, hợp tác công - tư.

5. Kết luận và kiến nghị

Thực tiễn hiện nay cho thấy, lợi thế của các quốc gia hoặc địa phương phụ thuộc rất nhiều vào nguồn lực con người bởi nền kinh tế hiện nay là nền kinh tế dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo. Chính vì lẽ đó, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trình độ cao, là nhân tố quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Trường Đại học Vinh đã chủ động đổi mới trong đào tạo nguồn nhân lực bằng việc mở rộng quan hệ với doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội thực tập, làm việc thử trong môi trường thực tế; tiếp cận nhu cầu nghề nghiệp của xã hội, làm cơ sở để xây dựng các chương trình, giáo trình tập huấn, đào tạo sát với thực tế. Đồng thời, nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo, phấn đấu trở thành trường Đại học hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ. Là cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong cả nước, trước bối cảnh đó, Trường Đại học Vinh đã tái cơ cấu, điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng để trở thành đại học thông minh theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, vươn tầm Châu Á, dẫn dắt sự phát triển về giáo dục và đào tạo trong khu vực Bắc Trung Bộ, làm đầu tàu và cùng với các cơ sở giáo dục trong khu vực chuẩn bị tốt nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của khu vực toàn quốc. Trong thời gian tới, nhằm đảm bảo các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương vùng Tây Nam nói riêng và tỉnh Nghệ An đi vào thực tiễn và có hiệu quả, Nhà trường có một số đề xuất và kiến nghị sau:

- Kiến nghị Trung ương chỉ đạo và sớm ban hành quy hoạch mạng lưới các

trường đại học, trong đó tiểu vùng Bắc Trung Bộ cần có một tổ hợp đại học trọng điểm quốc gia theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo với đầu tàu là Trường Đại Vinh để đào tạo nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả Vùng và hướng tới xuất khẩu lao động chất lượng cao ra quốc tế. Mặc dù đây là mô hình mới ở Việt Nam nhưng đã được các nước phát triển trên thế giới và một số nước ASEAN triển khai.

- Kiến nghị Trung ương và tỉnh Nghệ An ban hành cơ chế chính sách và chế tài đối với doanh nghiệp trong việc gia tăng hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với công nghệ nguồn để tăng cường sử dụng lao động chất lượng cao; tạo cơ chế hợp tác công tư trong giáo dục để gắn kết giữa nhà tuyển dụng và cơ sở đào tạo nhân lực trong khu vực (bao hàm cả đào tạo theo đặt hàng và nghiên cứu phát triển - R&D);

- Kiến nghị tỉnh Nghệ An và các địa phương trong vùng có các chỉ đạo để hệ thống các trường phổ thông trở thành vệ tinh của các cơ sở đào tạo nhân lực để được hỗ trợ tăng cường hoạt động hướng nghiệp sớm gắn với giáo dục một số kỹ năng quan trọng thông qua chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời, đẩy mạnh công tác dự báo nguồn nhân lực trên địa bàn để định hướng cho hoạt động hướng nghiệp và hoạt động đào tạo.

- Kiến nghị tỉnh Nghệ An tiếp tục ủng hộ Trường Đại học Vinh giải phóng mặt bằng ở cơ sở 2 để được đầu tư phát triển theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, đào tạo, phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.

- Kiến nghị lãnh đạo chính quyền các huyện vùng Tây Nam tạo điều kiện để thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với Trường Đại học học thông qua việc ký kết hợp tác trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Bành Thị Thảo (2022), Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An, Luận án tiến sĩ, Học viện tài chính.

3. Bộ Chính trị (2013), Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

4. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2023), *Thực trạng và giải pháp phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025*.

5. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, *Báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An các năm 2020, 2021, 2022, 6 tháng đầu năm 2023*.

6. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An các năm 2016, 2018*.

7. Huyện ủy Tương Dương (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025*.

8. Mai Hậu (2020), *Chung sức đồng lòng vì mục tiêu phát triển bền vững*, Khai thác từ: <http://congan.nghean.gov.vn/kinh-te-xa-hoi/202001/chung-suc-dong-long-vi-muc-tieu-phan-trien-ben-vung-888498/>

9. Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An (2022), *Báo cáo quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050: Thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện Con Cuông thời kỳ 2021-2030, Tầm nhìn đến năm 2050*.

10. Tỉnh ủy Nghệ An (2022), *Đề án đào tạo, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

11. UBND huyện Anh Sơn (2021), *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025*.

12. UBND huyện Kỳ Sơn (2021), *Báo cáo hoạt động của UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026*.

13. UBND huyện Thanh Chương (2021), *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025*.

14. UBND Tỉnh Nghệ An (2022), *Kế hoạch thực hiện đề án số 14-ĐA/TU ngày 25/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

